

KẾ HOẠCH

Tổ chức Hội nghị sơ kết Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 và Kế hoạch số 463/KH-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện Quy chế như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Qua sơ kết, từng bước bổ sung, hoàn thiện Quy chế phối hợp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, tránh chồng chéo, trùng lặp, đảm bảo mỗi doanh nghiệp không thanh tra, kiểm tra quá một lần trong năm, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

2. Yêu cầu

- Việc sơ kết phải toàn diện, thiết thực, hiệu quả; bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Nội dung sơ kết phải chuẩn bị chu đáo và đánh giá đúng thực chất, làm rõ những bất cập, tồn tại, yếu kém, nguyên nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế.

II. NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ

1. Nội dung hội nghị

- Sơ kết việc triển khai thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*nội dung cụ thể theo Đề cương báo cáo chi tiết đính kèm*).

- Kết quả thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị với các cơ quan: Thanh tra chuyên ngành, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Cảnh sát giao thông, Quản lý thị trường, Hải quan và Cục Thuế (*nội dung cụ thể đối với*

từng đơn vị theo các Thông báo số 273, 348, 362, 370, 389, 393 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Chương trình hội nghị

2.1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu: Thanh tra tỉnh.

2.2. Khai mạc hội nghị: Thanh tra tỉnh.

2.3. Báo cáo sơ kết việc thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp và kết quả thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị với các cơ quan: Thanh tra chuyên ngành, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Cảnh sát giao thông, Quản lý thị trường, Hải quan và Cục Thuế: Thanh tra tỉnh báo cáo trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các đơn vị.

2.4. Gợi ý thảo luận: Chánh Thanh tra tỉnh.

2.5. Phát biểu tham luận của các đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Cục Hải quan, Cục Thuế tỉnh, Công An tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới.

2.6. Mời Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh phát biểu: Đại diện Hiệp hội.

2.7. Khen thưởng: Tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh cho 05 tập thể và 05 cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện Quy chế phối hợp.

2.8. Phát biểu chỉ đạo hội nghị: Thường trực Tỉnh ủy;

2.9. Phát biểu kết luận Hội nghị: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN

1. Thời gian: 01 ngày, dự kiến tổ chức vào giữa tháng 7/2019.

2. Địa điểm: Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Số lượng dự kiến: 95 đại biểu.

4. Thành phần tham dự:

*** Chủ trì Hội nghị:**

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Cấp tỉnh:** Mời đại diện lãnh đạo:

- Thường trực Tỉnh ủy;

- Ban Nội chính Tỉnh ủy;

- Các Sở, Ban, ngành tỉnh (có danh sách đính kèm);

- Chánh Thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc các Sở, ngành nêu trên;

- Thanh tra tỉnh;

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

* **Cấp huyện:** Mời đại diện lãnh đạo:

- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố;
- Thanh tra huyện, thị xã, thành phố.

* **Cơ quan thông tấn, báo chí:**

- Đại diện Báo An Giang;
- Đại diện Đài phát thanh truyền hình An Giang.

IV. KINH PHÍ

- Kinh phí tổ chức: **28.800.000 đồng.**

+ In ấn tài liệu hội nghị (50.000đ/bộ x 95 bộ):	4.750.000 đồng;
+ Tiền nước uống (40.000đ/người x 95 ĐB):	3.800.000 đồng;
+ Tiền ăn trưa (150.000đ/người x 95 ĐB):	14.250.000 đồng;
+ Băng ron, hoa tươi trang trí hội nghị:	3.000.000 đồng;
+ Chi phí khác (nếu có):	3.000.000 đồng.

- Nguồn kinh phí tổ chức hội nghị sử dụng từ nguồn kinh phí đặc thù năm 2019 của Thanh tra tỉnh; việc thanh, quyết toán theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch, tổng hợp các phản ánh, kiến nghị của đại biểu tham dự; theo dõi và kiểm tra tình hình tổ chức thực hiện.

2. Các Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (*nội dung cụ thể theo Đề cương báo cáo chi tiết đính kèm*); Kết quả thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị với các cơ quan: Thanh tra chuyên ngành, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Cảnh sát giao thông, Quản lý thị trường, Hải quan và Cục Thuế (*nội dung cụ thể đối với từng đơn vị theo các Thông báo số 273, 348, 362, 370, 389, 393 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*).

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi báo cáo về Thanh tra tỉnh trước **ngày 03/7/2019** để tổng hợp phục vụ Hội nghị.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh) chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh tham mưu UBND tỉnh khen thưởng đối với 05 tập thể và 05 cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện Quy chế phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức tham dự Hội nghị đầy đủ và đúng thành phần; báo cáo theo đề cương và chuẩn bị phát biểu tham luận.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Thanh tra tỉnh để tổng hợp đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng NC, TH, KTN;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Nung

DANH SÁCH
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	
1	Sở Công thương
2	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Sở Giao thông Vận tải
4	Sở Kế hoạch & Đầu tư
5	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
7	Sở Ngoại vụ
8	Sở Nội vụ
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Sở Tài chính
11	Sở Tài nguyên và Môi trường
12	Sở Thông tin và Truyền thông
13	Sở Tư pháp
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
15	Sở Xây dựng
16	Sở Y tế
17	Thanh tra tỉnh
18	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
19	Bảo hiểm xã hội tỉnh
20	Công an tỉnh
21	Phòng CSGT Đường bộ - Đường sắt - Công an tỉnh
22	Phòng CS PCCC và Cứu nạn Cứu hộ - Công an tỉnh
23	Cục Quản lý thị trường tỉnh
24	Cục Thuế tỉnh
25	Cục Hải quan tỉnh

UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	
1	UBND thành phố Long Xuyên
2	UBND thành phố Châu Đốc
3	UBND thị xã Tân Châu
4	UBND huyện An Phú
5	UBND huyện Châu Phú
6	UBND huyện Châu Thành
7	UBND huyện Chợ Mới
8	UBND huyện Phú Tân
9	UBND huyện Thoại Sơn
10	UBND huyện Tịnh Biên
11	UBND huyện Tri Tôn

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

A. VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1989/QĐ-UBND NGÀY 14/7/2016 CỦA UBND TỈNH

I. Việc triển khai quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

- Việc phối hợp với Thanh tra tỉnh xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan ngang sở, Chủ tịch UBND cấp huyện.

- Việc thực hiện chỉ đạo của Bộ, ngành cấp trên đối với công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

- Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND cấp huyện (nếu có), nguyên nhân.

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt và xử lý chông chéo với các cơ quan, đơn vị khác trong quá trình thực hiện.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

Thời kỳ báo cáo: Năm 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Báo cáo theo từng năm.

1. Việc phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

- Tổng số cuộc thanh tra theo kế hoạch được duyệt: cuộc. Trong đó:

+ Thanh tra liên ngành: cuộc (*chỉ báo cuộc do đơn vị mình chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện*).

+ Đoàn thanh tra: cuộc.

- Tổng số cuộc kiểm tra theo kế hoạch được duyệt: cuộc. Trong đó:

+ Kiểm tra liên ngành: cuộc (*chỉ báo cuộc do đơn vị mình chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện*).

+ Đoàn kiểm tra: cuộc.

- Sự khác nhau giữa kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND cấp huyện so với kế hoạch chung của tỉnh (nếu có), nguyên nhân.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Thanh tra doanh nghiệp

2.1.1. Tổng số cuộc thanh tra theo kế hoạch được duyệt đã tiến hành: cuộc. Trong đó:

- **Thanh tra liên ngành:** cuộc. Trong đó:

+ Triển khai: cuộc.

+ Ban hành kết luận: cuộc. Kết quả:

. Sai phạm chủ yếu:

. Xử phạt vi phạm hành chính: số quyết định xử phạt, tổng số tiền xử phạt, số tiền nộp phạt đã thu.

. Xử lý hành chính: số vụ, số người, hình thức xử lý hành chính.

. Biện pháp khác.

- **Đoàn thanh tra:** cuộc. Trong đó:

+ Triển khai: cuộc.

+ Ban hành kết luận: cuộc. Kết quả:

. Sai phạm chủ yếu:

. Xử phạt vi phạm hành chính: số quyết định xử phạt, tổng số tiền xử phạt, số tiền nộp phạt đã thu.

. Xử lý hành chính: số vụ, số người, hình thức xử lý hành chính.

. Biện pháp khác.

* Các cuộc thanh tra đột xuất (nếu có):

- Cấp có thẩm quyền chỉ đạo?

- Kết quả thực hiện..

2.2.2. Tổng số cuộc thanh tra theo kế hoạch được duyệt nhưng chưa tiến hành: cuộc. Trong đó:

- **Thanh tra liên ngành:** cuộc (*chỉ báo cuộc do đơn vị mình chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện*).

- **Đoàn thanh tra:** cuộc.

* Nguyên nhân:

2.2. Kiểm tra doanh nghiệp

2.2.1. Tổng số cuộc kiểm tra theo kế hoạch được duyệt đã tiến hành: cuộc. Trong đó:

- **Kiểm tra liên ngành:** cuộc. Trong đó:

+ Triển khai: cuộc.

+ Kết thúc: cuộc.

+ Kết quả:

. Sai phạm chủ yếu:

. Xử phạt vi phạm hành chính: số quyết định xử phạt, tổng số tiền xử phạt, số tiền nộp phạt đã thu.

. Xử lý hành chính: số vụ, số người, hình thức xử lý hành chính.

. Biện pháp khác.

- **Đoàn kiểm tra:** cuộc. Trong đó:

+ Triển khai: cuộc.

+ Kết thúc: cuộc.

+ Kết quả:

. Sai phạm chủ yếu:

. Xử phạt vi phạm hành chính: số quyết định xử phạt, tổng số tiền xử phạt, số tiền nộp phạt đã thu.

. Xử lý hành chính: số vụ, số người, hình thức xử lý hành chính.

. Biện pháp khác.

* Các cuộc kiểm tra đột xuất (nếu có):

- Cấp có thẩm quyền chỉ đạo?

- Kết quả thực hiện.

2.2.2. Tổng số cuộc kiểm tra theo kế hoạch được duyệt nhưng chưa tiến hành: cuộc. Trong đó:

- **Kiểm tra liên ngành:** cuộc (chỉ báo cuộc do đơn vị mình chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện). Trong đó:

- **Đoàn kiểm tra:** cuộc.

* **Nguyên nhân:**

III. Đánh giá, kiến nghị

1. Thuận lợi và nguyên nhân

2. Khó khăn và nguyên nhân

3. Kiến nghị

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ ĐẠO CỦA LÃNH ĐẠO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Kết quả thực hiện chỉ đạo tại Thông báo số 273/TB-VPUBND ngày 18/8/2016 của Văn phòng UBND tỉnh

Đơn vị báo cáo kết quả thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

2. Kết quả thực hiện chỉ đạo tại Thông báo số 348/TB-VPUBND ngày 7/10/2016 của Văn phòng UBND tỉnh

Đơn vị báo cáo kết quả thực hiện: Cục Thuế tỉnh.

3. Kết quả thực hiện chỉ đạo tại Thông báo số 362/TB-VPUBND ngày 14/10/2016 của Văn phòng UBND tỉnh

Đơn vị báo cáo kết quả thực hiện: Công an tỉnh.

4. Kết quả thực hiện chỉ đạo tại Thông báo số 370/TB-VPUBND ngày 19/10/2016 của Văn phòng UBND tỉnh.

Đơn vị báo cáo kết quả thực hiện: Cục Quản lý thị trường tỉnh.

5. Kết quả thực hiện chỉ đạo tại Thông báo số 389/TB-VPUBND ngày 03/11/2016 của Văn phòng UBND tỉnh.

Đơn vị báo cáo kết quả thực hiện: Cục Hải quan tỉnh.

DANH SÁCH
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
THỰC HIỆN BÁO CÁO

*(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	
1	Sở Công thương
2	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Sở Giao thông Vận tải
4	Sở Kế hoạch & Đầu tư
5	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
7	Sở Ngoại vụ
8	Sở Nội vụ
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Sở Tài chính
11	Sở Tài nguyên và Môi trường
12	Sở Thông tin và Truyền thông
13	Sở Tư pháp
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
15	Sở Xây dựng
16	Sở Y tế
17	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
18	Bảo hiểm xã hội tỉnh
19	Công an tỉnh
20	Phòng CSGT Đường bộ - Đường sắt - Công An tỉnh
21	Phòng CS PCCC và Cứu nạn Cứu hộ - Công An tỉnh
22	Cục Quản lý thị trường tỉnh
23	Cục Thuế tỉnh
24	Cục Hải quan tỉnh

UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	
1	UBND thành phố Long Xuyên
2	UBND thành phố Châu Đốc
3	UBND thị xã Tân Châu
4	UBND huyện An Phú
5	UBND huyện Châu Phú
6	UBND huyện Châu Thành
7	UBND huyện Chợ Mới
8	UBND huyện Phú Tân
9	UBND huyện Thoại Sơn
10	UBND huyện Tịnh Biên
11	UBND huyện Tri Tôn